

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026;

Xét Tờ trình số 630/TTr-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc quy định mức chi, thời gian hỗ trợ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, cụ thể như sau:

1. Chi tổ chức hội nghị: Thực hiện theo Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Chi tổ chức tập huấn cho những người tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 79/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Chi bồi dưỡng các cuộc họp

a) Cuộc họp của Ban Chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử tỉnh, huyện, xã; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp

Đơn vị tính: đồng/người/buổi

Đối tượng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Chủ trì cuộc họp	200.000	150.000	100.000
Thành viên tham dự	100.000	90.000	80.000
Các đối tượng phục vụ	50.000	50.000	50.000

b) Chi bồi dưỡng các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử

Đơn vị tính: đồng/người/buổi

Đối tượng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Chủ trì cuộc họp	150.000	120.000	100.000
Thành viên tham dự	80.000	70.000	60.000
Các đối tượng phục vụ	50.000	50.000	50.000

3. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban Chỉ đạo, Đoàn đại biểu Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử tỉnh, huyện, xã

Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:

a) Chi bồi dưỡng

DVT: đồng/người/buổi

Đối tượng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Trưởng đoàn kiểm tra, giám sát	200.000	150.000	100.000
Thành viên chính thức của đoàn kiểm tra, giám sát	100.000	90.000	80.000
Cán bộ, công chức, viên chức và những người (trung dụng bầu cử) phục vụ trực tiếp đoàn kiểm tra, giám sát	80.000	70.000	60.000
Cán bộ, công chức, viên chức và những người (trung dụng bầu cử) phục vụ gián tiếp đoàn kiểm tra, giám sát (lái xe, bảo vệ)	50.000	50.000	50.000

b) Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát

- Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Thường trực Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo bầu cử, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban bầu cử các cấp:

+ Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/báo cáo.

- + Cấp huyện: 900.000 đồng/báo cáo.
 - + Cấp xã: 700.000 đồng/báo cáo.
 - Chính lý, hoàn chỉnh báo cáo khoán chi cho từng cấp:
 - + Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo.
 - + Cấp huyện: 400.000 đồng/báo cáo.
 - + Cấp xã: 300.000 đồng/báo cáo.
4. Chi xây dựng văn bản báo cáo sơ kết, tổng kết

ĐVT: đồng/báo cáo

Loại báo cáo	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Báo cáo sơ kết	1.000.000	700.000	500.000
Báo cáo tổng kết	2.000.000	1.500.000	1.000.000

5. Chi bồi dưỡng cho những người phục vụ trong đợt bầu cử

a) Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:

ĐVT: đồng/người/tháng

Đối tượng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký Ủy ban bầu cử; Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Thư ký Ban Chỉ đạo và Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Thư ký Ban Bầu cử các cấp	2.000.000	1.500.000	1.000.000
Thành viên: Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Ban Chỉ đạo các cấp; Tổ trưởng, Tổ phó Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử các cấp	1.800.000	1.200.000	800.000
Thành viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử; kế toán, thủ quỹ Ủy ban bầu cử các cấp	1.600.000	1.000.000	600.000

Thời gian hưởng các chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử được tính từ thời gian văn bản của cấp có thẩm quyền thành lập Ban Chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ giúp việc các cấp có hiệu lực đến khi Ủy ban bầu cử các cấp kết thúc nhiệm vụ. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Bồi dưỡng 100.000 đồng/người/ngày đối với các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử; thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử).

Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức chi tối đa: 1.500.000 đồng/người/tháng trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): chi bồi dưỡng 150.000 đồng/người/ngày, áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử. Danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người phục vụ trong đợt bầu cử: Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ giúp việc cho Ủy ban bầu cử, Tổ giúp việc cho Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc:

- Cấp tỉnh: 400.000 đồng/người/tháng.
- Cấp huyện: 300.000 đồng/người/tháng.
- Cấp xã: 200.000 đồng/người/tháng.

Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động được tính từ thời gian văn bản của cấp có thẩm quyền thành lập Ban Chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ giúp việc các cấp có hiệu lực, đến khi Ủy ban bầu cử các cấp kết thúc nhiệm vụ. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất.

7. Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử

- a) Người được giao trực tiếp công dân: 80.000 đồng/người/buổi.
- b) Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân: 60.000 đồng/người/buổi.
- c) Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân: 50.000 đồng/người/buổi.

8. Chi đóng hòm phiếu

Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 350.000 đồng/hòm phiếu.

9. Chi khắc dấu

Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 250.000 đồng/dấu.

10. Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử:

Trường hợp chưa có bảng niêm yết hoặc bảng cũ không thể sử dụng, cần phải bổ sung, mức chi tối đa 1.500.000 đồng/bảng.

11. Chi công tác tuyên truyền, in ấn: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu.

12. Chi phí hành chính cho công tác bầu cử bao gồm: chi văn phòng phẩm, chi hành chính trong đợt bầu cử; chi thông tin liên lạc phục vụ bầu cử; chi thuê hội trường và địa điểm bỏ phiếu; chi trang trí, loa đài, an ninh, bảo vệ tại các tổ bầu cử; chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác bầu cử: mức chi cụ thể

thực hiện theo thực tế phát sinh, theo hóa đơn, chứng từ, danh sách ký nhận, bảng kê,... trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành và tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khoá IX - kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 17 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 3 năm 2021./.

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính;
- Ban Công tác đại biểu - UBND;
- Kiểm toán Nhà nước - Khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở: Tư pháp, Tài chính, KBNN, Cục Thuế, Cục Thống kê tỉnh;
- Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- Hội đồng PBGDPL - Sở Tư pháp;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái